**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BẾN CẦU**
**TỈNH TÂY NINH**

Số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
Về tranh chấp: "*Ly hôn*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hảo Phát.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Tẻo.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:*** ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2023/ST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh – Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2023, lời trình bày trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:*

Bà và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã A, huyện Bến Cầu. Hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà R đi hợp tác lao động tại Hàn Quốc, ông N

có quan hệ bất chính với người khác, bà R đã nhiều lần liên lạc hàn gắn, khuyên ngăn Nng không được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện tình cảm không còn nên bà R yêu cầu được ly hôn với ông N.

Vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thành D, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 28/6/2003. Con chung đã trưởng thành nên bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến, yêu cầu của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án là không thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 72 BLTTHS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Bà R, ông N tự nguyện chung sống từ năm 1996, có đăng ký kết hôn năm 2003. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do bà R đi hợp tác lao động tại Hàn Quốc, ông N có quan hệ và sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Bà R yêu cầu được ly hôn với ông N. Nhận thấy đời sống hôn nhân của bà R và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà R là có căn cứ.

- *Về hôn nhân*: Căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị R đối với ông Nguyễn Văn N.

- *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

- *Án phí:* Bà Nguyễn Thị R phải chịu án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, bà Nguyễn Thị R có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà R và ông N là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn năm 2003, hôn nhân là do tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà R cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà R đi hợp tác lao động tại Hàn Quốc, ông N có quan hệ bất chính với người khác, bà R đã nhiều lần liên lạc hàn gắn, khuyên ngăn nhưng không được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện tình cảm không còn nên bà R yêu cầu được ly hôn với ông N.

Qua xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà R, ông N là trầm trọng, mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông N có quan hệ và sống chung N vợ chồng với người phụ nữ khác. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa cho thấy ông N không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R là phù hợp.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Bà R phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị R đối với ông Nguyễn Văn N. Giữa bà R và ông N không còn quyền, nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà R không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị R phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà R đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0023007 ngày 23 tháng 2 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà R đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho bà R, ông N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Hảo Phát**